

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Châu, bà Hà Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 432/2024/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST - HNGĐ ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị H Piệp N, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Anh Y DHING N1, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người phiên dịch: Chị H YUIN Ê, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H Piệp Niê trình bày:

Tôi và anh Y DHING N1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2008 tại UBND xã C Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, nhưng do tính cách không hợp và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh ấy hay nhậu say về đánh đập tôi

nhiều lần, được gia đình và công an giải quyết nhưng anh không sửa đổi. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Y DHING N1 có 03 con chung là: Cháu Y PHUC N2, sinh năm 2004; Cháu Y PHƯƠNG N3, sinh ngày 01/8/2007; Cháu H LAN N4, sinh ngày 29/12/2011. Do cháu Y PHUC N2, đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với hai cháu nhỏ, tôi đề nghị giao cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Y DHING N1 mặc dù đã được tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H PIỆP N, chị H PIỆP N được ly hôn với anh Y DHING N1 .

+ Về con chung: Giao cháu Y PHƯƠNG N3, sinh ngày 01/8/2007 và cháu H LAN N4, sinh ngày 29/12/2011 cho chị H PIỆP NIÊ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Y Dzing N1 nhưng anh Y Dzing N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị H Piếp N5 và anh Y Dzing N1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2008 tại UBND xã C theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị H Piếp Niê và biên bản xác minh tại địa phương đều cho thấy quá trình chung sống, chị H Piếp N5 và anh Y Dzing N1 thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn chung sống với nhau tại địa phương mà đã ly thân. Trong thời gian này hai bên không có biện pháp nào để quay lại hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị H Piếp Niê xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh Y Dzing N1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị H Piếp N5 và anh Y Dzing N1 có 03 con chung là:

- + Cháu Y Phuc N2, sinh năm 2004;
- + Cháu Y Phương N3, sinh ngày 01/8/2007;
- + Cháu H Lan N4, sinh ngày 29/12/2011;

Hiện nay cháu Y Phuc N2, đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên chị H Piếp N5 không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với hai cháu nhỏ, qua lời khai của nguyên đơn và Biên bản xác minh ngày 15/4/2025 tại UBND xã C cho thấy hiện nay hai cháu đang ở chung với chị H Piếp Niê tại buôn C. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành lấy lời khai của hai cháu Y Phương N3 và H Lan N4, thể hiện hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H Piếp Niê, giao hai cháu Y Phương N3 và H Lan N4 cho chị H Piếp Niê trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Piếp N5 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H Piếp N5 không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Piệp Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Piệp N5 được ly hôn với anh Y Dzing N1.
2. Về con chung: Giao cháu Y Phương N3, sinh ngày 01/8/2007 và cháu H Lan N4, sinh ngày 29/12/2011 cho chị H Piệp Niê trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Piệp N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Y Dzing N1 có quyền đi lại thăm nom con chung, chị H Piệp N không được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Piệp N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0008064 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- UBND xã Cuôr Đăng;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Văn Toàn